TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/05/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Văn Chiến

2. Bà Đỗ Ngọc Hân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 05 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2026/TLST-HNGĐ ngày 00 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương Th, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp BC, xã TL, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 096195007167; ngày cấp: 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 19985

Địa chỉ: Ấp TH, xã CT, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 095085006499

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Trần Thị Phương Th trình bày:* Chị và anh Nguyễn Quốc H xây dựng hôn nhân năm 2014. Đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân của chị là tự nguyện.

Vợ chồng chị chung sống không có con chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, anh H có người phụ nữ khác bên ngoài. Khi xảy ra cự cải thì anh H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2015 đến nay. Giữa chị và anh H không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Anh Nguyễn Quốc H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Phương Th với anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc H cư trú tại ấp TH, xã CT, tỉnh Cà Mau. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn chị Trần Thị Phương Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Quốc H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Quốc H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị Th và anh H là tự nguyện và hợp pháp. Chị Th xác định vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Thực tế chị Th và anh H đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị Th và anh H không có biện pháp hòa giải hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Quốc H để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Cho thấy anh H không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân giữa chị Trần Thị Phương Th và anh Nguyễn Quốc H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phương Th đối với anh Nguyễn Quốc H.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Phương Th xác định chị và anh H chung sống không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Phương Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phương Th đối với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Phương Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Phương Th xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Th đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền

số 0002297 ngày 03/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TL, Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Ghết